

UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: /SGDDĐT-KHTC

V/v hướng dẫn triển khai thực hiện
Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày
12/3/2025 của Chính phủ và Quyết
định số 907/QĐ-UBND ngày
26/8/2025 của UBND tỉnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GD&ĐT.

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (sau đây gọi tắt là Nghị định số 66/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 142/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-BGDĐT ngày 19/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GD&ĐT (sau đây gọi tắt là Quyết định số 951/QĐ-BGDĐT);

Căn cứ Công văn số 2130/BGDĐT-GDPT ngày 06/5/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025;

Căn cứ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (trước hợp nhất) quy định cụ thể về khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai (sau đây gọi tắt là Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND);

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước hợp nhất) quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái (sau đây gọi tắt là Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND);

Căn cứ Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện các Quyết định quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy

định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai (sau đây gọi tắt là Quyết định số 907/QĐ-UBND);

Căn cứ văn bản số 1151/STC-HCSN ngày 25/8/2025 của Sở Tài chính về việc phối hợp triển khai Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và Quyết định của UBND tỉnh đối với việc áp dụng Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường PTDTNT;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú như sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Thực hiện đúng nguyên tắc quy định tại các Điều 1, 2, 5 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và các Điều 1, 2, 3 của Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND; Điều 1, 2, 3 của Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND.

2. Các cơ sở giáo dục kịp thời tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ được quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025, Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND, Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND, Quyết định số 907/QĐ-UBND tới cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, học viên và cha mẹ trẻ em nhà trẻ, cha mẹ học sinh, cha mẹ học viên.

Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, rà soát, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng được hưởng chính sách, tổng hợp danh sách, lập dự toán, đề nghị bổ sung kinh phí để chi trả kịp thời, đúng quy định.

3. Quy định về khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú: Thực hiện theo Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

4. Quy định về xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn

Thực hiện theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

II. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRẺ EM NHÀ TRẺ, HỌC SINH, HỌC VIÊN VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. **Đối với trẻ em nhà trẻ bán trú:** Thực hiện theo khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

2. Đối với học sinh, học viên bán trú: Thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP. Việc xác định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày, các đơn vị căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ; Điều 2 của Quyết định số 43 /2025/QĐ-UBND (đối với trẻ em, học sinh, học viên trên địa bàn tỉnh Lào Cai (trước hợp nhất); Điều 2, của Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND đối với trẻ em, học sinh, học viên trên địa bàn tỉnh Yên Bái (trước hợp nhất).

3. Đối với học sinh dân tộc nội trú: Thực hiện theo khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, Điều 3 của Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND và các quy định hiện hành.

4. Đối với các cơ sở giáo dục: Thực hiện theo Điều 7 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.

III. QUY TRÌNH XÉT DUYỆT TRẺ EM NHÀ TRẺ, HỌC SINH, HỌC VIÊN HƯỞNG CHÍNH SÁCH VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP KINH PHÍ, HỖ TRỢ GẠO

Thực hiện theo Điều 8 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; khoản 1 Điều 36 Nghị định 142/2025/NĐ-CP và Quyết định số 951/QĐ-BGDĐT ngày 19/4/2025 của Bộ GD&ĐT.

1. Quy trình xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí thực hiện

Thực hiện theo Điều 9 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, khoản 2 Điều 36 Nghị định 142/2025/NĐ-CP.

*** Lưu ý:**

- Quy trình xét duyệt trẻ nhà trẻ, học sinh bán trú cấp tiểu học, trung học cơ sở thực hiện theo Quyết định số 951/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2025 của Bộ GD&ĐT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Thủ tục hành chính cấp xã*).

- Cơ sở giáo dục thành lập Hội đồng xét duyệt chính sách gồm các thành phần sau: cơ sở giáo dục thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã gồm Lãnh đạo cơ sở giáo dục, giáo viên chủ nhiệm lớp có đối tượng được hưởng chính sách, kế toán, thành viên Ban đại diện cha mẹ trẻ em/học sinh và thành phần có liên quan; cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GD&ĐT gồm Lãnh đạo cơ sở giáo dục, giáo viên chủ nhiệm lớp có đối tượng được hưởng chính sách, kế toán, thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh/học viên, và thành phần có liên quan.

- Hội đồng xét duyệt chính sách căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 907/QĐ-UBND để xác định cụ thể quãng đường đi đến trường và trở về nhà của học sinh/học viên đối với địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, không có cầu, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá...

2. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp kinh phí và hỗ trợ gạo cho học sinh dân tộc nội trú

Thực hiện theo Điều 10 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và khoản 3 Điều 36 Nghị định 142/2025/NĐ-CP.

3. Quy trình tổ chức cấp phát gạo cho học sinh, học viên: Thực hiện theo Điều 11 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

IV. LẬP DỰ TOÁN, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

1. Về lập dự toán, quyết toán kinh phí triển khai thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày

1.1. Về lập dự toán: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách và khoản 4 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Về quản lý và quyết toán kinh phí: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và khoản 4 Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

2. Về kinh phí triển khai thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày

2.1. Kinh phí thực hiện chính sách hàng năm được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành.

2.2. Kinh phí thực hiện từ thời điểm tháng 01 đến tháng 05 năm 2025

a) Đối với những đơn vị đã xét duyệt, đã được cấp kinh phí tiếp tục rà soát, theo dõi đảm bảo các đối tượng được hưởng đầy đủ chính sách hỗ trợ theo quy định.

b) Đối với những đơn vị chưa tổ chức xét duyệt thì báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện như sau:

- Đối với những đối tượng **đang hưởng** chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP **tiếp tục đề nghị** hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: UBND cấp xã phê duyệt danh sách, dự toán kinh phí hỗ trợ trẻ em, học sinh, cơ sở giáo dục trên cơ sở Tờ trình của các trường thuộc thẩm quyền quản lý và các cơ quan chuyên môn, gửi kết quả xét duyệt về Sở GD&ĐT để tổng hợp chung toàn tỉnh; các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở tổ chức xét quyết theo quy định, gửi Tờ trình về Sở GD&ĐT (*theo phụ lục gửi kèm công văn này*)

- Đối với những đối tượng mới đề nghị hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: Các cơ sở giáo dục thuộc UBND cấp xã quản lý tổ chức xét duyệt, gửi Tờ trình, danh sách, số liệu về UBND xã, UBND cấp xã tổng hợp gửi Sở GD&ĐT; các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GD&ĐT gửi về Sở GD&ĐT.

- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 25/9/2025 (*Quyết định phê duyệt kèm theo danh sách và dự toán kinh phí của UBND cấp xã; Tờ trình, danh sách, dự toán kinh phí của các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở gửi qua hệ thống văn phòng điện tử Voftice và địa chỉ email: dtangoc@laocai.edu.vn*).

Trên cơ sở kết quả rà soát, xét duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở, Sở Giáo dục và Đào tạo và tổng hợp gửi Sở Tài chính tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.

(Từ năm học 2025-2026, cơ sở giáo dục thuộc quản lý của UBND cấp xã tổ chức xét duyệt đối tượng hưởng chính sách, trình UBND cấp xã phê duyệt và gửi kết quả để Sở GD&ĐT tổng hợp, theo dõi; cơ sở giáo dục thuộc quản lý của Sở GD&ĐT gửi Tờ trình về Sở GD&ĐT để tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND cấp xã

- Triển khai thực hiện chính sách đảm bảo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và Quyết định số 907/QĐ-UBND.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc trách nhiệm quản lý, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức xét duyệt, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Tổ chức kiểm tra đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định hiện hành.

- Định kỳ báo cáo kết quả xét duyệt cùng với thời điểm phê duyệt kết quả xét duyệt (*có đề cương gửi kèm*); Báo cáo kết quả tổ chức thực hiện chính sách gửi Sở GD&ĐT vào ngày 15/5 và ngày 30/11 hằng năm, hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu (*có hướng dẫn cụ thể sau*).

2. Các cơ sở giáo dục

- Phối hợp với các cơ quan liên quan để xác định nơi thường trú của trẻ em, học sinh, học viên là đối tượng được hưởng chính sách thông qua sổ định danh cá nhân.

- Chịu trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với gia đình đối tượng thụ hưởng chính sách trong việc đảm bảo hồ sơ đầy đủ, chính xác.

- Lập Tờ trình kèm theo danh sách và dự toán kinh phí hỗ trợ hằng năm gửi cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Thực hiện chi trả chế độ kịp thời, đầy đủ theo quy định.

- Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị có liên quan trong phạm vi quyền hạn của Hiệu trưởng; báo cáo kế hoạch và kết quả thực hiện khi có yêu cầu.

3. Khi các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Công văn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các xã, phường; các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở kịp thời triển khai. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ bà Đồng Thị Anh Ngọc, Phó trưởng phòng KHTC, Sở GD&ĐT qua số điện thoại: 0916.570.818 để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp; Nội vụ;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực IX;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- UBND các xã/ phường;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Các cơ sở GD trực thuộc Sở GDĐT;
- Cổng thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đào Anh Tuấn